SAO Y Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan:
Thời gian ký: 10.07.2024 08:44:16 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2046 /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 10 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí Dự án "Điều tra, cập nhật danh lục thực vật rừng chu kỳ 10 năm và xác định phân bố các loài quý, hiếm trong Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 10 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 172/TTr-STNMT ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Văn bản giải trình số 5671/STNMT-MT ngày 21 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí Dự án "Điều tra, cập nhật danh lục thực vật rừng chu kỳ 10 năm và xác định phân bố các loài quý, hiếm trong Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai".

1. Tên dự án: Điều tra, cập nhật danh lục thực vật rừng chu kỳ 10 năm và xác định phân bố các loài quý, hiếm trong Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai.

2. Đơn vị chủ trì thực hiện: Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai.

3. Mục tiêu dự án:

3.1. Mục tiêu chung: Điều tra, đánh giá lại khu hệ thực vật rừng có mạch bậc cao tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai theo chu kỳ 10 năm, trong đó chú trọng về thành phần loài; góp phần vào việc bảo tồn đa dạng sinh học, loài nguy cấp, quý, hiếm; hệ sinh thái rừng đặc trưng của Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, tạo cơ sở cho việc giáo dục môi trường tài nguyên thiên nhiên, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

- Điều tra, đánh giá hiện trạng thành phần loài, đa dạng hệ thực vật tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai theo chu kỳ 10 năm;

- Bổ sung, cập nhật, chỉnh sửa, hoàn thiện lại danh lục thực vật Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai;

- Thu thập, bổ sung mẫu tiêu bản thực vật bằng mẫu vật và hình ảnh;

- Lập bản đồ phân bố của một số loài thực vật nguy cấp, quý hiếm;

- Xây dựng được các tuyến, ô định vị để theo dõi, giám sát các đặc điểm vật hậu học của một số loài thực vật đặc trưng, quý hiếm và đánh giá biến động về hệ thực vật tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai trong những năm tiếp theo;

- Đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn, phát triển hệ thực vật tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai.

4. Đối tượng và phạm vi thực hiện

4.1. Đối tượng thực hiện: Tất cả các loài thực vật rừng có mạch bậc cao.

4.2. Phạm vi thực hiện: Toàn bộ diện tích Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai.

5. Nội dung thực hiện

5.1. Điều tra thực địa để thu thập số liệu, tiêu bản phục vụ công tác xây dựng danh lục thực vật tại Khu Bảo tồn;

5.2. Xây dựng bổ sung bộ tiêu bản thực vật bằng mẫu vật và hình ảnh; xây dựng bảng mô tả các loài thực vật được thu thập tại Khu Bảo tồn;

5.3. Điều tra, đánh giá cấu trúc tổ thành loài; quần thể ưu hợp của các hệ sinh thái tại Khu Bảo tồn;

5.4. Xây dựng bản đồ phân bố của một số loài thực vật nguy cấp, quý hiếm tại Khu Bảo tồn;

5.5. Xây dựng các tuyến, ô định vị để tiến hành theo dõi, giám sát đặc điểm vật hậu học của một số loài thực vật đặc trưng, quý hiếm và biến động của hệ thực vật tại Khu Bảo tồn;

5.6. Đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển hệ thực vật tại Khu Bảo tồn.

6. Thời gian thực hiện: 30 tháng *(tính từ ngày được phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí).*

7. Về dự toán kinh phí:

Tổng kinh phí thực hiện: **1.886.786.648 đồng** *(Một tỷ, tám trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng).*

Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường được giao cho Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai năm 2024, 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Căn cứ các nội dung thực hiện tại Điều 1 của Quyết định này, Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Q. Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh (Đ/c Phi);
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KTNS, KTN)
- Cổng Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KTNS, KTN.

(Khoa/Qddanhluctvat/3.7-368)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Phi

Phụ lục

Dự toán chi tiết Dự án Điều tra, cập nhật danh lục thực vật rừng chu kỳ 10 năm và xác định phân bố các loài quý hiếm trong Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Khối lượng	Định mức (công)	Hệ số bậc lương	Nhu cầu công	Đơn giá	Thành tiền	Văn bản áp dụng	Mã định mức	Năm thứ 1	Năm thứ 2
I	**Xây dựng thuyết minh cương và dự toán**							**10.502.093**			**10.502.093**	
1	**Lập dự án**	**Dự án**	**1**				**4.000.000**	**4.000.000**	QĐ số 58/2020/ QĐ-UBND	Mục 1.1, Phụ lục		
2	**Họp hội đồng xét duyệt dự án**							**4.950.000**				
-	Chủ tịch hội đồng	Người/ buổi	1				500.000	500.000	QĐ số 58/2020/ QĐ-UBND	Mục 2, Phụ lục		
-	Thành viên, thư ký	Người/ buổi	4				300.000	1.200.000		Mục 2, Phụ lục		
-	Đại biểu được mời tham dự	Người/ buổi	5				150.000	750.000		Mục 2, Phụ lục		
-	Nhận xét, đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	2				500.000	1.000.000		Mục 2, Phụ lục		
-	Nhận xét, đánh giá của ủy viên Hội đồng (Các sở ban ngành)	Bài viết	5				300.000	1.500.000		Mục 2, Phụ lục		
3	**Chỉnh sửa đề cương dự toán**	**Công/CT**	**1**	**3,5**	**5,42**	**3,5**	**443.455**	**1.552.093**	QĐ số 487/QĐ-BNN-TCCB	A.4		
II	**Điều tra, khảo sát**							**1.716.284.555**				

1	**Chuẩn bị**					**105,4**		**27.794.264**			**27.794.264**	
-	Thu thập tài liệu, bản đồ liên quan	CT	1	15	3,33	15	272.455	4.086.825	QĐ số 487/QĐ-BNN-TCCB	A.1.1.1		
-	Tập huấn thống nhất biện pháp kỹ thuật	C/người/ năm	12	5	3	60	245.455	14.727.300		A.7		
-	Chuẩn bị vật tư kỹ thuật, đời sống	CT	1	10	3	10	245.455	2.454.550		A.8		
-	can vẽ bản đồ ngoại nghiệp 1/25.000	Công/ha	68.052	0,0003	2,41	20,4	197.182	4.025.589		A.6.2.1		
-	Lập mẫu phiếu	Phiếu	5				500.000	2.500.000	QĐ số 58/2020/ QĐ-UBND	Mục 4.1, Phụ lục		
2	**Ngoại nghiệp**					**3.799**		**1.158.023.040**			**905.346.043**	
-	Sơ thám, làm các thủ tục hành chính với địa phương	Điểm	3	20	4,65	60,0	380.455	22.827.300	QĐ số 487/QĐ-BNN-TCCB	B.17		
-	Di chuyển quân trong khu điều tra	Km	200	0,2	3,99	40,0	326.455	13.058.200		B.18		
-	Mở tuyến điều tra (2 đợt)	Km	400	3,3	2,06	1320,0	168.545	222.479.400		B.22		
-	Điều tra thực vật rừng theo tuyến (thu mẫu tiêu bản thực vật)	Công/Km	400	3,5	4,74	1400,0	387.818	542.945.200		B.34.1		
-	Chọn lập OTC (2000m2)	OTC	30	2	3,46	60,0	283.091	16.985.460		B.31.1.1		
-	Điều tra thực vật trong OTC (2000m2)	OTC	30	10	3,46	300,0	283.091	84.927.300		B.31.2.1.3		
-	Điều tra ô tái sinh (25m2)	Công/Ô	150	0,05	3,46	7,5	283.091	2.123.183		B.31.4		
-	Hoàn chỉnh số liệu, bản đồ ngoại nghiệp	ha	68.052	0,005	5,42	340,3	443.455	150.907.737		B.59		150.907.737
-	Kiểm tra ngoại nghiệp	Công	3.528	7%	4,65	246,9	380.455	93.934.340		B.60		93.934.340

-	Rút quân ngoại nghiệp	Công/ng/ CT	12	2	3,99	24,0	326.455	7.834.920		B.63.1		7.834.920
3	**Nội nghiệp**					**751,5**		**287.107.563**				**287.107.563**
-	Nhập số liệu (30 tuyến 2 đơt, 30 OTC, 150 ODB)	Biểu	210	0,05	3,99	10,5	326.455	3.427.778	QĐ số 487/QĐ-BNN-TCCB	C.65.1		
-	Tính toán tài liệu điều tra thực vật trên tuyến 2 đợt điều tra	Km	400	0,2	3,66	80,0	299.455	23.956.400		C66.6.1		
-	Tính toán xử lý số liệu OTC (2000m2)	OTC	30	0,5	4,65	15,0	380.455	5.706.825		C.66.1.1.3		
-	Tính toán số liệu ô tái sinh 25m2	Công/Ô	150	0,02	3,99	3,0	326.455	979.365		C.66.8		
-	Lập danh lục thực vật	DL	1	60	6,44	60,0	526.909	31.614.540		C.71.1		
-	Xử lý, hoàn thiện tiêu bản thực vật	Công/Tiêu bản	500	0,17	4,32	85,0	353.455	30.043.675		C.72.3		
-	Giám định, bổ sung mẫu tiêu bản thực vật	Công/Mẫu	500	0,5	4,32	250,0	353.455	88.363.750		C.73.1		
-	In 500 tiêu bản ảnh màu, kích thước 6 x 9cm trang trí trên giấy A4.	cuốn	2					20.000.000	Giá thị trường			
-	Xây dựng bản đồ phân bố thực vật quý hiếm	Công/bản đồ	1	2	4,32	2,0	353.455	706.910	QĐ số 487/QĐ-BNN-TCCB	C.77.2.1		
-	Số hóa, biên tập và in bản đồ tỷ lệ 1/50.000	Công/ mảnh	1	126	3,63	126,0	297.000	37.422.000		C.79.4		
-	Phân tích số liệu	Công/CT	1	22	4,65	22,0	380.455	8.370.010		C.85.2		
-	Viết báo cáo tổng kết	BC	1	40	4,65	40,0	380.455	15.218.200		C.86.2		
-	Hội thảo khoa học	Công/CT	1	35	4,98	35	407.455	14.260.925		C.87.1		
-	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo	Công/CT	1	15	3,99	15	326.455	4.896.825		C.89.1/89.2		

-	In ấn, bàn giao thành quả	CT	1	8	3,27	8,0	267.545	2.140.360		C.91		
4	**Kiểm tra nội nghiệp (15% của công nội nghiệp)**	**Công**	**751,5**	**15%**	**4,32**	**112,7**	**353.455**	**39.834.379**				**39.834.379**
5	**Chi phí quản lý (12% của tổng nhân công)**	**Công**	**4.656**	**12%**	**4,32**	**558,7**	**353.455**	**197.475.309**		D.93		**197.475.309**
6	**Hội đồng thẩm định kết quả dự án**							**6.050.000**				**6.050.000**
-	Chủ tịch hội đồng	Người/ buổi	1				700.000	700.000	**QĐ số 58/2020/ QĐ-UBND**	Mục 8.2, Phụ lục		
-	Thành viên, thư ký hội đồng	Người /buổi	4				400.000	1.600.000				
-	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	5				400.000	2.000.000				
-	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	2				500.000	1.000.000				
-	Đại biểu được mời tham dự	Người/ buổi	5				150.000	750.000				
III	**Chi phí vật tư, máy móc, thiết bị**							**160.000.000**				160.000.000
-	Hộp gỗ nắp đậy + mặt kính tiêu bản Kích thước: 30x 40 cm. Khung dày 5cm, bên trong rỗng 3,5cm, mặt kính 2mm Chất liệu: Gỗ	Hộp gỗ	500				320.000	160.000.000	Giá thị trường			
	Tổng cộng (I+II+III)							**1.886.786.648**			**943.642.400**	**943.144.248**